TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Nguyễn Thị T1 Ngày sinh: 31/12/1999
Số căn cước: 087199001435 Ngày cấp: 22/11/2021
Nơi thường trú: Ấp S, xã A, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp S, xã V, Thành phố H.

+ Ông Đỗ Hữu T2 Ngày sinh: 12/12/1997
Số CCCD: 070097000014 Ngày cấp: 02/8/2022
Nơi thường trú: Ấp S, xã A, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp S, xã V, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố H nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố H cấp ngày 11/6/2020 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Hữu T2 cùng chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005810 ngày 28/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

2 000019 012207

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Xuân Hương